

BỘ CÔNG TRÌNH
TRƯỜNG CAO HỌC CÔNG NGHIỆP & XÂY DỰNG
ĐỒ THẠC SĨ

BÀI CÔNG MÔN HỌC
K 3/4 T O Á M Á N H H C H Í N H N S G H I Æ P

Dùng cho Cao học ngành Công nghệ

Chuyên ngành:

(Lĩnh vực chuyên ngành)

Người làm: L ộ i n g Æ h T h u ộ i P h l g

Người phân bổ: m: g Q u a n l y

Uông Bí, năm 2010

LÜI NÓI ㄌㄨˋ ㄋㄨˊ ㄩˋ

[illegible]

Bài 1. Ông khoa trưởng Công n
và X
tác
cho các nh

Trong quá trình nghiên cứu, các tác giả đã phân tích và đánh giá các tài liệu liên quan đến tính khoa học và tính thực tiễn của đề tài. Tuy nhiên, việc tìm kiếm thông tin vẫn còn gặp khó khăn do hạn chế về mặt kỹ thuật và hình thức. Vì vậy, trong quá trình nghiên cứu, các nhà khoa học cần phải có những ý kiến đóng góp và các nhà khoa học thực nghiệm cũng cần phải có những đóng góp và xây dựng để đạt được mục tiêu nghiên cứu.

TỔ b Ò m ô n k ư t o

CHƯƠNG I
TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG CHÍNH QUẢN LÝ

1.1 Nhiệm vụ và chức năng kế toán trong đơn vị

a, Khái niệm:

+ HCSN là đơn vị sử dụng kế toán để quản lý và điều hành các hoạt động kinh tế, tài chính, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, thể thao, môi trường, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đối ngoại, quốc phòng, ngoại giao, v.v. và các hoạt động khác theo luật định.

+ Kế toán HCSN là công việc tổ chức hệ thống thông tin kinh tế, tài chính, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, thể thao, môi trường, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đối ngoại, quốc phòng, ngoại giao, v.v. và các hoạt động khác theo luật định, nhằm cung cấp các thông tin cần thiết cho việc ra quyết định và quản lý.

b, Nhiệm vụ và chức năng kế toán HCSN:

- Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, thể thao, môi trường, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đối ngoại, quốc phòng, ngoại giao, v.v. và các hoạt động khác theo luật định.
- Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, thể thao, môi trường, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đối ngoại, quốc phòng, ngoại giao, v.v. và các hoạt động khác theo luật định.
- Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, thể thao, môi trường, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đối ngoại, quốc phòng, ngoại giao, v.v. và các hoạt động khác theo luật định.
- Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, thể thao, môi trường, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đối ngoại, quốc phòng, ngoại giao, v.v. và các hoạt động khác theo luật định.

12. Nhiệm vụ và chức năng kế toán trong đơn vị

+ Nhiệm vụ

- đ. Thu - chi, xí nghiệp hấp thụ các nguồn vốn và quy định chi tiêu.
- đ. Kiểm tra giám sát thu, chi ngân sách, quỹ và dự trữ tài chính, nguồn kinh phí.

+ Yêu cầu

- đ. Sạch sẽ, rõ ràng, đầy đủ.
- đ. Chính xác, trung thực.
- đ. Kịp thời: Phải nắm bắt kịp thời phát sinh kinh tế và khi kết thúc tháng lập báo cáo khi chấm dứt kỳ tính. Ứng dụng

13. Tổ chức công tác kế toán trong đơn vị

13.1 Nội dung công tác kế toán trong đơn vị

- Kế toán vốn bằng tiền
- Kế toán nguyên vật liệu
- Kế toán thanh toán
- Kế toán nguồn kinh phí, quỹ
- Kế toán tài sản cố định và chi thu chi
- Kế toán chi trả và tính giá thành
- Lập các báo cáo kinh tế, tài chính, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, thể thao, môi trường, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đối ngoại, quốc phòng, ngoại giao, v.v. và các hoạt động khác theo luật định.

13.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán trong đơn vị

a, Chức năng tổ chức công tác kế toán HCSN:

- Xây dựng kế toán, quy mô, nội dung hoạt động
- Yêu cầu quản lý và tài chính
- Các vấn đề phát sinh từ thực tế

b, Nội dung:

* Tổ chức và phân công việc làm về kế toán

cheng te theo trach nhiem vich cong ham chng ky kt toa
do t hngin b quy tnpvhi lu-têp súp quy n lý, m b
kãm soát ch t ch n n to

Ồ Trìn m tuân chuy Kim vtra chéng tẽ kị toán

Tất cả các chứng kiện ở trên đã được ghi lại và in ra

Áu phei t-pà or ùn ph-vn k-ĩ to-ĩ BÙ ph-n k-ĩ toán phei
toàn ù bchéng tè k-ĩ àt đ-ĩ s-ĩ khi k-ĩ Ám m-ĩnh tính pháp
chéng tè ù h-ĩ g-ĩ nh-ĩ chéng tè ó Ā ghi s-ĩ òn k-ĩ átro án
chũn chéng tè k-ĩ toán ù c-ĩ s-ĩ m-ĩ các b

- Lập, tiếp nhận, xử lý chứng từ kế toán;
- Kế toán nghiệp vụ kế toán tổng hợp và kế toán thuế.

Thị trấn này ký duyệt theo quy định trong tổng m«u

- Phân li, sắp xếp thành tế bào mới, kiểm tra, phân loại và
- Lưu trữ để quên thành tế bào mới.

Trình kiểm tra chứng từ kế toán:

- Kiểm tra định kỳ và đột xuất sự chấp hành các quy định ghi chép trong thẻ kế toán;

- Kiểm tra tính hấp pháp của ànigolip và ànigolip, trên bề mặt tế bào; Ni chỉ u ché này ànigolip và ànigolip, quan;

- Kĩ thuật tính hệ số nhị thức, phép nhân đa thức.

Khi kiểm tra chứng từ kế toán ảnh hưởng tới việc phân bổ chi phí, có

Ù, các quy Ònh vÁ gàiEohlyak in mÚc,, phÊi tẽ chÑi hÇn (xuýt quò, thanh toáom, gũn hĩk hão &)áo ngay b± cho đĩ Òng in Ò biẽt Ì xĩ lý kËp thÝi theo àn Òng pháp

Ni vŭi nhĩng chéng tễ kị toán l-p không đĩn thĩ
không rõ rằng đĩn trách nhiệ m kiĩm tĩal hiệ u gh
cũm thêm tĩn vĩu ché nh sả m ó c m ũi s Ō.

ĐỒ DẪN CHÉNG TẾ KỶ TOÁN RA TIẾNG VIỆT

Các chứng tề kế toán ghi ở các tài khoản sổ kế
Việt Nam phải được ra tiếng Việt. Những chứng tề
lên phát sinh nội dung không ghi ở tài khoản nội
dung chứng tề kế toán. Những chứng tề phát sinh
nhau thì bên tiếp nhận nội dung, tề bên thứ hai
những nội dung có liên quan đến tiền tệ và cá nhân
và cá nhân, nội dung kinh tế của chứng tề, các
chứng tề. Những chứng tề phải ký và ghi rõ trách nhiệm và
được ra tiếng Việt. Bên nhận và ghi ở Việt Nam
bên tiếp nhận.

đường, quy định về thành tích toán

[illegible]

quyền nhân quyền, kinh tế toán có thể ảnh hưởng hoặc thay đổi hình thức mua bán và phân phối các dịch vụ trên lý do của quyền chứng từ nhân quyền phân phối trên công nhân, không, giảm sút. Sẽ có và ý có giá trị phân phối lý minh

Nội dung các biểu mẫu chứng từ về công tác mua bán của công nhân (Nội dung những chứng từ về công tác mua bán của công nhân) các nội dung chủ yếu của chứng từ quy định như sau:

Đề nghị các chứng từ trong các trường hợp sau đây: Các chứng từ chính thức có thể đăng chứng từ công nhân tại các phòng chính của các đơn vị sản xuất theo quy định của pháp luật và chứng từ liên quan.

ĐỀ NGHỊ DANH SÁCH CHỨNG TỪ KINH TOÁN

S TT	TÊN CHỨNG TỪ	SỐ HIỆU	LOẠI CHỨNG TỪ KINH TOÁN	
			BB	HD
1	2	3	4	5
A	Chứng từ kinh toán nhân viên theo quy định 19/2006/BTC			
1	Chứng từ lương trả công	C 01-HD		x
2	Bằng chứng công	C 01-HD		x
3	Bằng chứng mà công nhân ghi	C 01-HD		x
4	Gửi báo cáo về công nhân	C 02-HD		x
5	Bằng thanh toán công nhân	C 02-HD		x
6	Bằng thanh toán công nhân (S)	C 03-HD		x
7	Bằng thanh toán công nhân	C 04-HD		x
8	Bằng thanh toán phải công	C 05-HD		x
9	Gửi công	C 06-HD		x
10	Bằng thanh toán công nhân	C 07-HD		x
11	Hợp đồng công nhân công nhân	C 08-HD		x
12	Bằng thanh toán công nhân	C 09-HD		x
13	Biên bản thanh lý hợp đồng gia	C 10-HD		x
14	Bằng chứng các khoản chi	C 11-HD		x
15	Bằng chứng thanh toán công tác phí	C 12-HD		x
16	Chứng từ - v			
1	Phụ lục - p kho	C 20-HD		x
2	Phụ lục xuất kho	C 21-HD		x
3	Gửi báo cáo, mặt công cả,	C 22-HD		x
4	Biên bản kiểm kê công, công, công nhân hàng hóa	C 23-HD		x
5	Bằng chứng mua hàng	C 24-HD		x
6	Biên bản kiểm kê công nhân hàng hóa	C 25-HD		x

2	112	Tiến giới Nông, lâm, thủy sản	Mối liên hệ	Chi tiết về
	112	Tiến bộ Nam		tổng TK
	112	Ngập lụt		tổng NH,
	112	Vàng, bạc kim khí quý,		
3	113	Tiến bộ chuyên	Mối liên hệ	
4	121	Suối tài chính hàng	liên hệ	
	121	Suối tài chính hàng	phát s	
	121	Suối tài chính hàng khác		
5	152	Nguyên liệu v-t li	Mối liên hệ	Chi tiết về
				yếu tố qu
6	153	Công nghệ, công nghệ	Mối liên hệ	lý
7	155	Sản phẩm công nghệ	liên hệ	Chi tiết về
	155	Sản phẩm	hạt, ùn	sản phẩm
	155	Hàng hóa	SX, KD	hóa
		LOI 2: AN S N D ENH		
8	211	TSC hiện	Mối liên hệ	Chi tiết về
	211	Nhà ở, v-t kiến trúc		yếu tố qu
	211	Máy móc, thiết bị		lý
	211	Phân tích v-n t, truy		
	211	Thật bề, dạng cả qu		
	211	Cây lâu năm, cây		
	211	Sinh phẩm		
	211	Tài sản cố định khác		
9	213	TSC vốn	Mối liên hệ	
10	214	Hao mòn TSC	Mối liên hệ	
	214	Hao mòn TSC		
	214	Hao mòn TSC		
11	221	Suối tài chính hàng		
	221	Suối tài chính hàng		
	221	Vốn góp		
	221	Suối tài chính hàng khác		
12	241	XDCB đang		
	241	Mua TSC		
	241	Xây dựng		
	241	Sửa chữa IUN TSC		
		LOI 3: THANH TOÁN		
13	311	Các khoản phải thu	Mối liên hệ	Chi tiết về
	311	Phải thu của khách hàng		yếu tố
	311	Thuế GTGT đặc khu vực	liên hệ	quản lý
	311	Thuế GTGT đặc khu vực	khuyến	
	311	Thuế GTGT đặc khu vực	GTGT	
	311	Thuế GTGT đặc khu vực		
	311	Phải thu khác		
14	312	Tạm ứng	Mối liên hệ	Chi tiết về
				tổng năm
15	313	Cho vay	liên hệ	Chi tiết về

	313	Cho vay tìn	án ti	tềng N
	313	Cho vay quá h		tăng
	313	Khoan		
16	331	Các k	Mí i n	Chi
	331	P		tềng N
	331	P		
	331	P		
17	332	Các k	Mí i n	
	332	B		
	332	B		
	332	Kinh phí công oàn		
	332	B		
18	333	Các k	Các i	
	333	Thụ GTGT	có phát	
	333	Thụ GTGT		
	333	Thụ GTGT		
	333	Phí		
	333	Thụ thu nh-p doanh ng		
	333	Thụ thu nh-p cá nhân		
	333	Thụ khác		
	333	Các k	Mí i n	
19	334	P		
	334	P		
	334	P		
20	335	P		Chi
				tềng N
21	336	Tim éng kinh phí		
22	337	Kinh p		
	337	Nguyên		
	337	Giá		
	337	Giá		
23	341	Kinh p	Các i	Chi
			c	cho
24	342	Thanh to	i n	v
			ph	
25	411	Ng	i n	Chi
			h	th
26	412	Chên	i n	
			có phát	

27	413	Chên Ch t÷ giá hñi o	in Ē c ngpi tC	
28	421	Chên Ch thu, chi íc hỹ a x		
	421	Chên Ch thu, chi ho		
	421	Chên Ch thu, chñ thđo	in Ē c in ·t àmg cç aNN	
	421	Chên Ch thu, chi hoit		
29	431	Các ùu	Míi in Ē	
	431	Qù khenñb ñg		
	431	Qù phúc lãì		
	431	Qù Õn Ēnh thu nh-p		
	431	Qù phát triĀn hoit Ùn		
30	441	NgỐn kinh phí xđñđgi	in Ē c Sut° XD	
	441	NgỐn kinh phí NSNN c		
	441	NgỐn kinh phí viçn trã		
	441	NgỐn khác		
31	461	NgỐn kinh phí hoit Ù	Míi in Ē	Chiçtti tē ngỐn K
	461	N m ùc		
	461	NgỐn kinh °ýmigtđay		
	461	NgỐn kinh phí °ýmigtđay		
	461	N m nay		
	461	NgỐn kinh °ýmigtđay		
	461	NgỐn kình hphônýtghđay		
	461	N m sau		
	461	NgỐn kinh °ýmigtđay		
	461	NgỐn kinh phí °ýmigtđay		
32	462	NgỐn kinh phí dĩ án	in Ē c dĩ án	
	462	NgỐn kinh phí NSNN c		
	462	NgỐn kinh phí quĒn lý		
	462	NgỐn kinh phí hñiçn dĩ		
	462	NgỐn kinh phí viçn trã		
	462	NgỐn kinh phí quĒn lý		
	462	NgỐn kinh phí thñc hiç		
	462	NgỐn khác		
	462	NgỐn kinh phí quĒn lý		
	462	NgỐn kinh phí thñc hiç		
33	465	NgỐn kinh phí thđang	in Ē c in ·t àn cç aNN	
		cç a ñhñc		
34	466	NgỐn kinh ãp hñnh thàn	Míi in Ē	
		TSC		
LOI 5: CÁC KHOçN				

35	511	Các khoản thu	in về c	
	511	Thu phí	phát s	
	511	Thu theo tờ khai		
	511	Thu khác		
36	521	Thu ch°a qua ngân sách	in về c	
	521	Phí	phát s	
	521	Tiền hàng		
37	531	Thu hto ùng sên xuất,	in về c	
			H SXK	
		LOI 6: CÁC KHOẢN		
38	631	Chi hto ùng sên xuất, kinh	in về c	Chiết
			hạt ùn	tti th
			SXKD	Ùng SX
39	635	Chi theo tờ khai của Nhà	in về c	
		n°Ùc	in . t ãn	
			cç aNN	
40	642	Chi phí quý chung		
41	643	Chi phí t°Ùc	in về c	
			phát s	
42	661	Chi hto ùng	Múi in về	
	661	N m t°Ùc		
	661	Chi t°Ùng ãy		
	661	Chi không ãy		
	661	N m nay		
	661	Chi t°Ùng ãy		
	661	Chi không ãy		
	661	N m sau		
	661	Chi t°Ùng ãy		
	661	Chi không ãy		
43	662	Chi ãn	in về c	Chiết
	662	Chiết nguồn kp NSNN c	dĩ án	tti th
	662	Chi ãn lý dĩ án		dĩ án
	662	Chi ãn hiçn dĩ án		
	662	Chiết nguồn viçn trã		
	662	Chi ãn lý dĩ án		
	662	Chi ãn hiçn dĩ án		
	662	Chiết nguồn khác		
	662	Chi ãn lý dĩ án		
	662	Chi ãn hiçn dĩ án		
		LOI 0: CÁC KHOẢN NG		
		Bç NG		
1	001	Tài sản t°Ùng ngoài		
2	002	Tài sản nh-n giĩ h°Ù, nh-		
3	004	Chênh lệch thu, chi h°Ùn		
		xuyên		
4	005	Dạng cả lâu bán ang		
5	007	Ngpi t°Ùc ãi lo		

6	SỔ Nh-t ký chung	S0-4H	in Ế có ngpi tC in Ế có v-t liCu dang cả, p© mà mg hoá
7	BẰng cân Ñi sÑ phát sinh	S0-5H	
8	SỔ quàn tiÁN m·t (SỔ chi t	S1-1H	
9	SỔ tiÁN gíi àn ngân K hoo b	S1-2H	
10	SỔ thөө àn m·t, tiÁN gíi b	S1-3H	
11	SỔ kho (Ho·c th» kho)	S2-1H	
12	SỔ chi tiếtn quyv-t liCu, c	S2-2H	
13	BẰng tỔng hăp cóni quyv-t	S2-3H	
14	SỔ ài Ến cÑ Ếnh	S31 H	
15	SỔ thөө tS Q à công đang c	S32 H	
16	SỔ chi tiếti k hoo t	S3-3H	in Ế có t° CK in Ế có Ùng sxk in Ế có thư GTGT
17	SỔ thөө cho vay (Dữ năgn cthi	S3-4H	
18	SỔ thөө ñđ toán ngân sách	S4- H	
19	SỔ thөө ñđ kinh phí	S4-2H	
20	SỔ tỔng hăp nguỐn kinh p	S4-3H	
21	SỔ chi tiếti cđng tkhoán	S4-5H	
22	SỔ chi tiếti doanh thu	S5-1H	
23	SỔ chi tiếti các khoản thu	S5-2H	
24	SỔ thөө ñđ GTGT	S5-3H	
25	SỔ chi tiếti thuế GTGT	S5-4H	
26	SỔ chi tiếti thuế GTGT	S5-5H	in Ế có in Ế có Ùng SX
27	SỔ chi tiếti chi hoặti Ùng	S6-1H	
28	SỔ chi tiếti chi đñ án	S 6-2H	
29	SỔ chi phí sđ kinh doanh (t° XDCB)	S63 H	
30	SỔ thөө chi phí utr	S7-1H	
31	SỔ thөө ñđ ếng kinh phí c	S7-2H	

2- Danh sách SỔ kế toán áp dụng (kế toán công cụ) (Cấp tr

ST	TÊN SỔ	Ký hiệu số
1	2	3
1	SỔ tỔng hăp quyếti toán ếng & h ásc	M« u sÑ S04/CH

[illegible]

Các bài tập về Nhị thức Newton và các bài toán liên quan

Hàng ngày, toán học đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của chúng ta. Từ việc tính toán chi tiêu hàng ngày đến việc phân tích dữ liệu trong kinh doanh, toán học luôn hiện diện. Trong bài viết này, chúng ta sẽ khám phá những ứng dụng thực tiễn của toán học trong đời sống, từ những ví dụ đơn giản đến những ứng dụng phức tạp hơn. Chúng ta sẽ thấy rằng toán học không chỉ là một môn học trừu tượng mà còn là công cụ đắc lực giúp chúng ta giải quyết các vấn đề thực tế. Bài viết sẽ được chia thành các phần nhỏ để dễ dàng tiếp cận và hiểu biết.

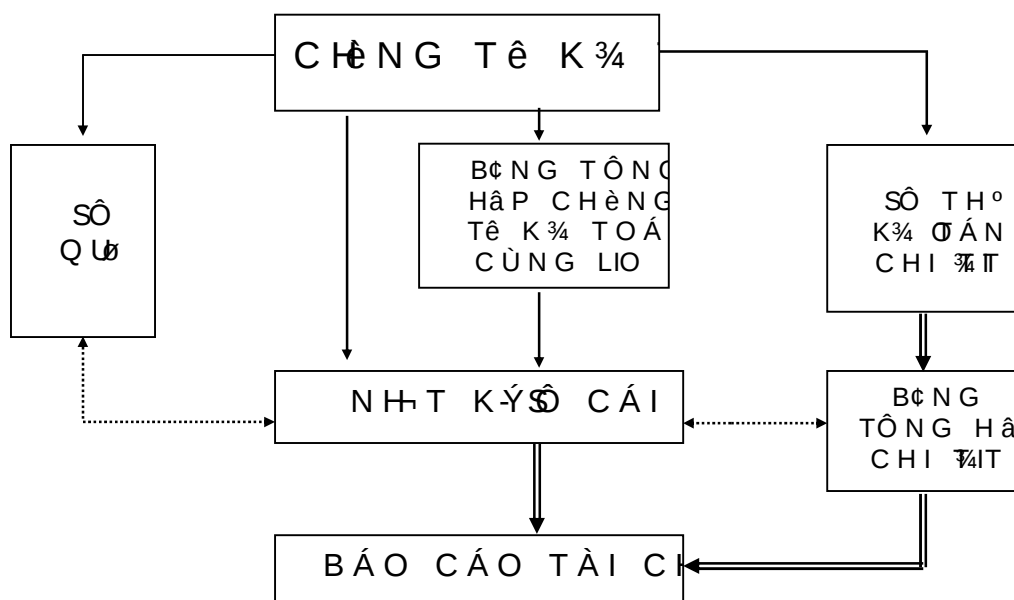
$$\begin{array}{ccc} \text{TỔNG SỐ TIẾP} & \text{TỔNG SỐ TIẾP} & \text{TỔNG SỐ} \\ & \text{sinh} & \text{phát} \\ \text{SỐ TIẾP PHÁT} = & \text{NĂM CẠT TỰ C} = & \text{sinh CẠT T} \\ \text{BỘ PHẬN NH} & \text{tài KMO} & \text{CẾ CẠT KMO} \end{array}$$

$$\text{Tổng số các địa điểm} = \text{Tổng số các đơn vị}$$

Số 11-CP/NH-t. Số Căn cứ, Th» kị toàn đing hập
chỉtt sau khi kĩaokĩm tra, Nĩ chiũ nẽũckĩp,
dang ã l-p Bẻngĩam và Nĩat báo cáo tài chính khác.
Trình ghi số kị tởm thĩđoan Nhũ Kyĩlặc thã hiçn
trẽn; Ó sN 02.

S i Ó s Ñ 0 2

TRÌNH THỰC HIỆN SƠ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC SƠ KẾ TOÁN NHƯ SƠ CẤU



←----- Ñ i ĩ ħu s Ñ l i Ć u cu Ñ i th á ng

- Hình thức toán Cheng tễ ghi số

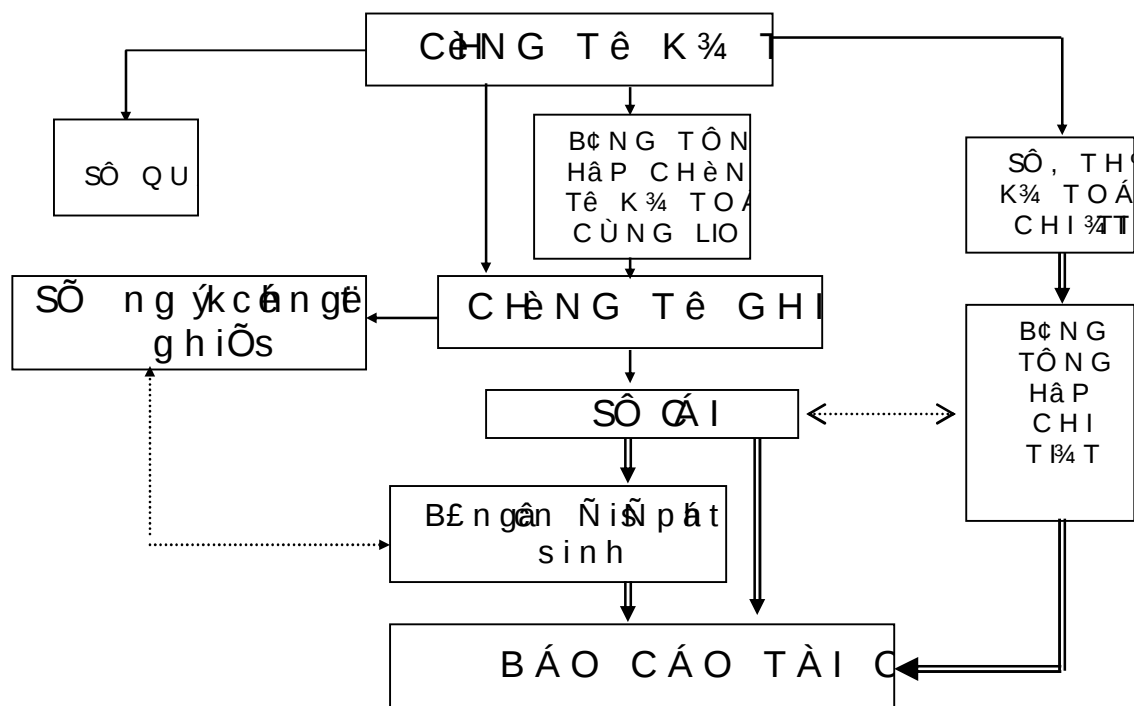
[illegible]

CỦi tháng sáu h'nh Chéng tề ghi s'ố l-à 100.000
 ng ký 100 tề ghài 500 cái, k'ẻ t'ảnh t'ừ 100 á 500. Á t'ả s'
 phát s'inh s'ố phát s'inh 100.000 củi tháng c'ủa k'ẻng 100
 Cái, t'ừ h'ng t'ả ti'án các nghi'p v'ả kinh t'ẻ phát s'inh
 ng ký 100 tề ghài 500 cái, sau khi ki'ám tra, Ñi chi'ẻ
 l'ẻ u'ith d'ảng Á l-p B'ẻng cân Ñi s'ố 100 phát s'inh h'nh.

Trình ghi số kê toán theo kế hoạch Chặng 1 và 2
trên Sổ số 03.

S i Ó s Ñ 03

TRÌNH THỰC HIỆN SƠ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC SƠ KẾ TOÁN CHÈNG TÊN GHI SƠ



↔ Ñi chiꞥu sÑ liÇu cuÑi tháng

- Hình thức kế toán máy vi tính

· Hình thức kế toán máy vi tính là công cụ toán học để thực hiện trình tự các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo các tài khoản kế toán khác nhau và trình tự chọn, iểu kiện áp dụng. Phần mềm kế toán được cài đặt trên máy tính để thực hiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo các tài khoản kế toán khác nhau và trình tự chọn, iểu kiện áp dụng. Phần mềm kế toán tuy không hình ảnh trực quan nhưng lại phải đảm bảo tính chính xác của số liệu kế toán và tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thuế và tài chính. Phần mềm kế toán được cài đặt trên máy tính để thực hiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo các tài khoản kế toán khác nhau và trình tự chọn, iểu kiện áp dụng. Tài chính và thuế là hai lĩnh vực có liên quan mật thiết với nhau và có ảnh hưởng lẫn nhau. Phần mềm kế toán được cài đặt trên máy tính để thực hiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo các tài khoản kế toán khác nhau và trình tự chọn, iểu kiện áp dụng.

- Hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép vào sổ kế toán để tổng hợp và kiểm tra, rà soát và ghi sổ. Phần mềm kế toán được cài đặt trên máy tính để thực hiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo các tài khoản kế toán khác nhau và trình tự chọn, iểu kiện áp dụng.

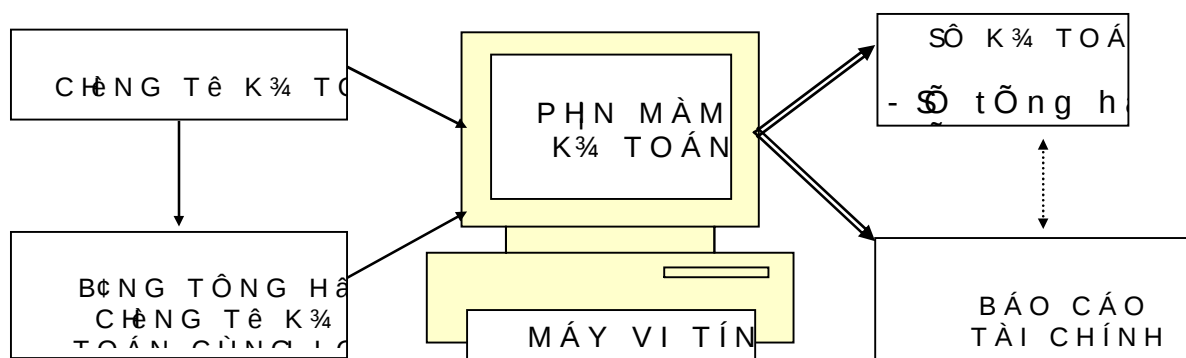
- Cuối tháng hoặc cuối năm, kế toán viên phải tiến hành kiểm tra và đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán và sổ sách kế toán để đảm bảo tính chính xác, trung thực và đầy đủ của số liệu kế toán. Phần mềm kế toán được cài đặt trên máy tính để thực hiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo các tài khoản kế toán khác nhau và trình tự chọn, iểu kiện áp dụng.

Cuối kỳ kế toán, kế toán viên phải tiến hành tổng hợp và ghi sổ để đảm bảo tính chính xác, trung thực và đầy đủ của số liệu kế toán. Phần mềm kế toán được cài đặt trên máy tính để thực hiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo các tài khoản kế toán khác nhau và trình tự chọn, iểu kiện áp dụng.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy vi tính như sau:

SỐ SỔ 04

TRÌNH TỰ GHI SỔ K_{3/4} TOÁN THEO HÌNH THỨC K_{3/4} TOÁN MÁY VI TÍNH



- > Nhập số liệu hàng ngày
- ====> Tổng hợp, báo cáo cuối tháng
- ====> Kiểm tra, rà soát
- * Tổ chức báo cáo kế toán

DANH MỤC X MU BÁO CÁO CHÍNH

1- Danh sách báo cáo

1.1 Danh sách báo cáo tình hình và báo cáo tài chính hàng năm
và kế toán thuế

STT	Ký hiệu Mã	TÊN ĐẦU BÁO CÁO	KỶ HẠN L- P BÁO CÁO	N I N H N			
				Tà chí (*)	Kh b trê	C p trê	T N g k (*)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	B 0-1 H	Bảng cân đối kế toán	Quý n m			x	x
2	B 0-2 H	Tổng hợp tình hình kế toán kinh doanh	Quý n m	x	x	x	x
3	F 0-1 H	Báo cáo tài chính phụ Ùng	Quý n m	x	x	x	x
4	F 0-2 H	Báo cáo tài chính phụ	Quý n m	x	x	x	x
5	F 0-2 3a H	Bảng Ni chiểu dư phí ngân sách NN	Quý n m	x	x	x	
6	F 0-2 3b H	Bảng Ni chiểu dư chéng và thanh toán kinh phí ngân sách NN	Quý n m	x	x	x	
7	B 0-3 H	Báo cáo tài chính tổng ngộp và phụ ùng số kinh doanh	Quý n m	x		x	x
8	B 0-4 H	Báo cáo tình hình tài TSC	N m	x		x	x
9	B 0-5 H	Báo cáo kinh phí dã quỹ toán h chuyển sang	N m	x		x	x
10	B 0-6 H	Thuyết minh báo cáo	N m	x		x	

G h i c h ú-: (*) É m ù p b à à i c á ó n t h n m

[illegible]

1.2 Danh sách báo cáo tình hình hoạt động hàng năm của Công ty lập báo cáo tài chính và báo cáo thuế hàng năm

STT	Ký hiệu	TÊN BÁO CÁO Hàng	Kí hiệu	NỘI DUNG BÁO CÁO			
				Tài chính	Khác	Cơ sở	Thị trường